

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày: 29/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Quang Định**

Bà **Nguyễn Thị Thương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Lã Việt Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/HSST-QĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị P**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/02/1968, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Tổ 8, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Bùi Thị N (đã chết); Có chồng là Lê Đức T (đã ly hôn) và 02 con: lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 28/12/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh **Vũ Văn T**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Khu Đ, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

- Chị **Phùng Thị X**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

- Chị **Trần Thị C**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Bùi Thị Bích P**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ 24, khu 4, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Đương Việt H**, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Khu N, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông **Hoàng Văn V**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 45A, khu 4A, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

- Bà **Phạm Thị L**, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Tổ 9, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông **Vũ Văn D**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ 12, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2021, Nguyễn Thị P thuê quán “Karaoke Tuấn Nam” của bà Lê Thị H, tại tổ 8, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh để làm quán hát karaoke với giá 5.000.000 đồng/tháng. P nhờ bạn trai là ông Hoàng Văn V, sinh năm 1965, trú tại tổ 45A, khu 4A, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đứng tên trong hợp đồng thuê nhà. Việc kinh doanh quán là do P tự quản lý. Do tình hình dịch bệnh Covid-19, các quán hát phải dừng hoạt động nên P chưa mở được quán hát. Đến ngày 24/12/2021, các chị Phùng Thị X, sinh năm 1991, trú tại xóm B, xã T, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Trần Thị C, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến xin P làm nhân viên quán hát và bán dâm nếu khách có nhu cầu mua dâm. Do kinh doanh Karaoke khó khăn nên P đồng ý và thỏa thuận với các chị nếu làm nhân viên quán hát thì P trả 100.000đồng/tiếng, còn nếu gặp khách có nhu cầu mua dâm thì P bố trí phòng ngủ để các chị bán dâm với giá 300.000 đồng/người/lượt, P chia cho 150.000 đồng, số tiền còn lại của P. Các chị X, C đều đồng ý. Đến ngày 28/12/2021, chị Bùi Thị Bích P, sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội và một nữ giới (không rõ tên tuổi) đến quán của P xin làm nhân viên. P cũng thỏa thuận với các chị về việc bán dâm và ăn chia tiền thu của khách như trên, các chị đều đồng ý. Do đi đường xa mệt, chị P nghỉ ngơi tại quán.

Khoảng 19 giờ ngày 28/12/2021, các anh Vũ Văn T, sinh năm 1986, trú tại khu Đ, phường T, thành phố Uông Bí; Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970, trú tại tổ 24, khu 4, phường T, thành phố Uông Bí; Dương Văn H, sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã H, thị xã Đông Triều, đến quán của P để mua sâm. Anh T thỏa thuận với P mua sâm với giá 300.000đồng/người/lượt rồi đưa cho P 1.000.000đồng. Do chưa có tiền trả lại, P nói khi nào xong sẽ trả 100.000đồng, rồi bảo các anh chọn nhân viên. Anh T chọn chị C rồi đi vào phòng ngủ tầng một của quán, anh T chọn chị X rồi đi vào phòng ngủ tầng hai của quán, anh H chọn nữ nhân viên không rõ họ tên nhưng chưa vào phòng nào. Hồi 19 giờ 15 phút cùng ngày, khi anh T và chị C, anh T và chị X đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác Công an thành phố Uông Bí kiểm tra hành chính, phát hiện hành vi mua bán sâm, lúc này anh H vẫn đang đứng ở sân, còn nữ nhân viên không rõ họ tên đang đứng cạnh anh H bỏ chạy. Tổ công tác đã lập biên bản kiểm tra hành chính, thu giữ tại phòng anh T, chị X 01 bao cao su (BCS) đã sử dụng; 01 vỏ BCS nhãn hiệu VIP và quần áo của chị X; tại phòng anh T, chị H 01 BCS đã sử dụng; 01 vỏ BCS nhãn hiệu VIP và 01 túi xách bên trong có 13 chiếc BCS nhãn hiệu VIP; tại phòng khách của quán số tiền 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, lắp sim 0334.543.796; 01 bao tải màu vàng chứa 165 BCS nhãn hiệu VIP.

Cáo trạng số 35/CT-VKSUB ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội “*Chứa mại dâm*” là đúng người, đúng tội.

Những người làm chứng và người chứng kiến đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 28/12/2021.

- *Về hình phạt bổ sung:* Phạt bổ sung Nguyễn Thị P 10.000.000đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 900.000đồng.

- Trả lại cho anh Vũ Văn T số tiền 100.000đồng.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ung Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ung Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến; phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính lập hồi 19 giờ 50 phút ngày 28 tháng 12 năm 2021, biên bản khám xét lập hồi 21 giờ 15 phút ngày 28 tháng 12 năm 2021 và tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 19 giờ 15 phút ngày 28/12/2021, tại quán Karaoke Tuấn Nam ở tổ 8, khu L, phường Y, thành phố Ung Bí, tỉnh Quảng Ninh do Nguyễn Thị P kinh doanh, quản lý, P có hành vi chứa mại dâm khi bố trí 03 nhân viên của quán bán dâm với giá 300.000 đồng/người/lượt.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa mại dâm*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ung Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

* **Tình tiết tăng nặng:** Không có.

* **Tình tiết giảm nhẹ:** Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời, bản thân bị cáo đã có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid-19 tại địa phương, được đại diện khu phố

cũng như UBND phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xác nhận. Do vậy, cũng cần xem xét sự đóng góp này của bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với quần áo của chị X, túi xách của chị C, là các tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại. Số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen lắp sim 0334.543.796, là tài sản của Nguyễn Thị P, qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên HĐXX không đề cập xử lý.

- Đối với các vỏ bao cao su và bao cao su, do bị cáo P mua để phục vụ việc mua bán dâm, Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy nên HĐXX không xem xét xử lý.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo P thu của anh Vũ Văn T, trong đó hai bên thỏa thuận việc mua bán dâm là 900.000 đồng, đây là số tiền bị cáo thu lời bất chính nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước; còn lại số tiền 100.000 đồng là của anh T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho anh T.

[4] Những tình tiết khác trong vụ án:

- Đối với bà Lê Thị H cho P thuê nhà và ông Hoàng Văn V đứng tên trong hợp đồng thuê nhà, nhưng không biết P sử dụng nhà làm nơi chứa mại dâm nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với các anh Nguyễn Xuân T, Vũ Văn T, Dương Văn H có hành vi mua dâm và các chị Phùng Thị X, Trần Thị C có hành vi bán dâm, Công an thành phố Uông Bí đã xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị P** phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị P 12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của Nguyễn Thị P số tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*), nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại anh Vũ Văn T số tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*).

(*Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận tài sản và phiếu nhập kho ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa Công an thành phố Uông Bí và Kho bạc thành phố Uông Bí*).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/4/2022; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLVLQ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;
- Nhà tạm giữ - Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà